TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày: 03/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Tiến.

2/ Ông Lưu Văn Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/HSST-QĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Văn Q, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Ê Tô; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 12, đường S, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T và bà Trần Thị Mỹ D; Vợ, con: Chưa có; Có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2009;

+Tiền án: Không;

+ Tiền sự: 04;

1/ Ngày 05/06/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng. (chấp hành xong ngày 11/4/2020).

2/ Ngày 19/11/2020, bị Công an thị trấn B xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy. (đã đóng phạt xong).

3/ Ngày 26/01/2021, bị Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy.

4/ Ngày 05/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng.

Về nhân thân: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 10 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 05/06/2019, bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, đến ngày 11/4/2020 thì chấp hành xong quyết định. Ngày 19/11/2020, bị Công an thị trấn B xử phạt vi phạm hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy, đã đóng phạt xong. Ngày 26/01/2021, bị Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy, đến ngày 26/4/2021 thì chấp hành xong quyết định. Ngày 05/7/2021, bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, đến ngày 09/12/2021 thì chấp hành quyết định cho đến nay. Hiện đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tỉnh Bến Tre (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

1. Huỳnh Chánh T, sinh năm 1988; (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B tỉnh Bến Tre.
2. Tăng Gia L, sinh năm 1999; (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Hoài P, sinh năm 1988; (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.
2. Nguyễn Hữu T, sinh năm 2000; (Có mặt).
Chỗ ở hiện nay: Trại giam B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.
3. Nguyễn Minh T, sinh năm 1990; (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.
4. Phạm Nhất L, sinh năm 1980; (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.
5. Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1964; (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.
6. Tăng Thanh T, sinh năm 1974; (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.
7. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1966; (Có mặt).
Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:* Võ Văn T, sinh năm 1969; (Có mặt).
Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn Q – sinh năm 1997 ngụ khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre là đối tượng đã nhiều lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn huyện B, tỉnh Bến Tre, cụ thể:

Vụ thứ nhất, vào khoảng cuối tháng 10/2021, Võ Văn Q đến nhà của Nguyễn Hoài P – sinh năm 1988 ngụ khu phố 1, thị trấn B chơi thì phát hiện xe mô

tô hiệu Honda Wave biển số 71C2-053.98 của Huỳnh Chánh T – sinh năm 1988 ngụ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre đang để ở nhà P nên hỏi mượn P để chạy về nhà thì được P đồng ý. Sau khi có được xe, do cần tiền tiêu xài nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản liền điều khiển xe mô tô 71C2-053.98 đến nhà anh Nguyễn Minh T – sinh năm 1990 ở ấp A, xã V, huyện B cầm được được 4.000.000đ, thời hạn cầm vài ngày đến một tuần. Sau khi nhận tiền, Q tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết tiền rồi bỏ xe không chuộc lại, đến ngày 23/11/2021 thì bị Công an thị trấn B phát hiện nên Nguyễn Minh T giao nộp xe mô tô trên cho Công an.

Vụ thứ hai, vào khoảng 12 giờ ngày 04/11/2021, Tăng Gia L – sinh năm 1999 ngụ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre điều khiển xe mô tô biển số 71C2-114.84 đến nhà Võ Văn Q tại khu phố 1, thị trấn B, huyện B chơi. Khi L đến nhà Q, Q hỏi mượn xe của L đi công việc. Sau đó, Q điều khiển xe đi tìm bạn gái nhưng không gặp nên đến nhà của Nguyễn Hữu T – sinh năm 2000 ngụ cùng khu phố 1, thị trấn B chở T đi lòng vòng chơi thì Q nảy sinh ý định đem xe của L đi cầm lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, Q kêu Nguyễn Hữu T kiếm chỗ cầm xe cho Q thì T đồng ý. Sau đó, Q đưa xe cho T kêu T cầm 3.500.000đ, thời hạn cầm là 03 ngày đến một tuần. T điều khiển xe mô tô trên chạy một mình đến sân vận động thuộc xã A, huyện B cầm cho Phạm Nhất L – sinh năm 1980 ngụ ấp G, xã A, huyện B được 3.500.000đ, thời hạn cầm là 03 ngày đến một tuần theo yêu cầu của Q. Sau đó Tài đem tiền cầm xe về đưa hết cho Q, Q tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết tiền rồi bỏ xe không chuộc lại, đến ngày 04/12/2022, thì bị Công an phát phát hiện và thu giữ xe mô tô trên từ Phạm Nhất L.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 xe mô tô hiệu mô tô hiệu Honda Wave màu xanh – đen – bạc, số máy HC12E2965442, số khung 1205BY1165379, biển số 71C2-053.98 kèm giấy đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết L (mẹ ruột Huỳnh Chánh T) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Future, màu nâu – vàng – đen, số máy C53E-0027908, số khung 302CY-027856, biển số 71C2-114.84. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho ông Tăng Thanh T (cha ruột Tăng Gia L) là chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 16/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận: 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, số máy HC12E2965442, số khung 1205BY1165379, biển số 71C2-053.98 trị giá 7.000.000đ, 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Future, màu nâu – vàng – đen, số máy C53E-0027908, số khung 302CY-027856, biển số 71C2-114.84 trị giá 15.000.000đ. Tổng cộng 22.000.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSBT ngày 27/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Võ Văn Q về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Võ Văn Q phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", đồng thời đề nghị;

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị hại Huỳnh Chánh T, Tăng Gia L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Võ Văn Q phải trả lại 4.000.000đ tiền cầm xe mô tô 71C2-053.98 và không yêu cầu bồi thường gì thêm, còn anh Phạm Nhất L đã nhận lại 3.000.000đ tiền cầm xe mô tô 71C2-114.84 và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Ghi nhận CQĐT đã xử lý giao trả:

+ 01 xe mô tô hiệu môtô hiệu Honda Wave biển số 71C2-053.98 kèm giấy đăng ký xe cho bà Nguyễn Thị Tuyết L (mẹ ruột Huỳnh Chánh T) là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Future biển số 71C2-114.84 cho ông Tăng Thanh T (cha ruột Tăng Gia L) là chủ sở hữu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như nội dung Cáo trạng đã nêu đối với bị hại Tăng Gia L. Tuy nhiên, tại tòa bị cáo không thừa nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda Wave biển số 71C2-053.98 của Huỳnh Chánh T – sinh năm 1988 ngụ ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre đang để ở nhà Nguyễn Hoài P để đem đi cầm mà khai nại rằng xe do Nguyễn Hoài P tự nguyện đưa bị cho bị cáo đi cầm. Bị cáo không có mượn xe từ P rồi chiếm đoạt đi cầm.

Các bị hại Huỳnh Chánh T, Tăng Gia L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T không yêu cầu bị cáo trả lại 4.000.000đ là số tiền anh T đã trả cho Q để nhận cầm cố xe môtô hiệu Honda Wave biển số 71C2 – 053.98 và anh T không biết đây là xe do Q chiếm đoạt của Huỳnh Chánh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Nhất L đã nhận lại số tiền 3.000.000đ là số tiền mà anh L đã trả cho Q để nhận cầm cố xe mô tô biển số 71C20114.84 và anh L không biết xe này do Q chiếm đoạt của Tăng Gia L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoài P, Nguyễn Hữu T, Tăng Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết L không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu C không yêu cầu Nguyễn Hữu T trả lại số tiền 3.000.000đ mà ông C đã bỏ ra để thay Tài trả cho anh Phạm Nhất L, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa người làm chứng Võ Văn T trình bày: Có sự việc bị cáo mượn xe Tăng Gia L đi công việc. Sau đó, lấy xe của L đi cầm. Ngoài ra, ông không biết gì thêm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận nên Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm. Bị cáo nói lời nói sau cùng, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Huỳnh Chánh T, Tăng Gia L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoài P, Nguyễn Minh T, Phạm Nhất L, Nguyễn Thị Tuyết L và Tăng Thanh T vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai rõ trong quá trình điều tra, truy tố, đồng thời bị cáo, những người tham gia tố tụng có mặt và những người tiến hành tố tụng khác không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người nêu trên. Căn cứ vào các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên trong vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Võ Văn Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá cùng những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, Võ Văn Q đã 02 lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 22.000.000đ; vụ việc xảy ra vào khoảng cuối tháng 10/2021 tại nhà của Nguyễn Hoài P ở khu phố 4, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri và ngày 04/11/2021 tại nhà của Võ Văn Q ở khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Võ Văn Q về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã trưởng thành đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn tư lợi bất chính có tiền tiêu xài nhưng không bỏ công sức lao động và nhất là thái độ xem thường pháp luật nên đã đưa bị cáo vào con đường phạm tội và hậu quả xảy ra đúng như bị cáo mong muốn. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa

phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, từng nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" và nhiều lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo đã không biết cải sửa bản thân mà tiếp tục có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Điều đó cho thấy bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục. Với tính chất, hành vi của bị cáo trong vụ án này, HĐXX xét thấy việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần xử lý bị cáo hình phạt tù giam mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng đã tỏ ra thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện Kiểm sát được HĐXX chấp nhận. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Huỳnh Chánh T, Tăng Gia L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên được HĐXX ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh T không có yêu cầu bị cáo trả lại 4.000.000đ tiền cầm xe mô tô 71C2-053.98 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Nhất L đã nhận lại 3.000.000đ tiền cầm xe mô tô 71C2-114.84. Anh T và anh L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên được HĐXX ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoài P, Nguyễn Hữu T, Tăng Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Hữu C không có yêu cầu gì trong vụ án này nên được HĐXX ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận CQĐT đã xử lý giao trả: 01 xe môtô hiệu môtô hiệu Honda Wave biển số 71C2-053.98 kèm giấy đăng ký xe cho bà Nguyễn Thị Tuyết L (mẹ ruột Huỳnh Chánh T) là chủ sở hữu; 01 xe mô tô hiệu Honda Future biển số 71C2-114.84 cho ông Tăng Thanh T (cha ruột Tăng Gia L) là chủ sở hữu. Xét việc giao trả vật chứng của cơ quan điều tra là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[10] Đối với Nguyễn Hữu T đã có hành vi giúp Võ Văn Q tìm chỗ cầm cố và trực tiếp đem xe mô tô biển số 71C2-114.84 đi cầm cố giúp Q, do T không biết xe mô tô trên là do Q chiếm đoạt của Tăng Gia L nên cơ quan điều tra xác định T không đồng phạm với Q là có căn cứ.

[11] Đối với Nguyễn Minh T và Phạm Nhất L có hành vi nhận cầm cố xe do Q chiếm đoạt mà có, do anh T, anh L không biết các tài sản trên do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự là đúng quy định pháp luật.

[12] Đối với lời khai nại của bị cáo cho rằng Nguyễn Hoài P tự nguyện đưa xe mô tô Honda Wave biển số 71C2-053.98 của Huỳnh Chánh T cho bị cáo đi cầm HĐXX xét thấy: Lời khai nại của bị cáo không có chứng cứ chứng minh, mục đích nhằm che dấu cho hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, HĐXX không chấp nhận lời khai này của bị cáo.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn Q phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Văn Q 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị hại Huỳnh Chánh T, Tăng Gia L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Võ Văn Q phải trả lại 4.000.000đ tiền cầm xe mô tô 71C2-053.98 và không yêu cầu bồi thường gì thêm, còn anh Phạm Nhất L đã nhận lại 3.000.000đ tiền cầm xe mô tô 71C2-114.84 và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Về xử lý vật chứng: Ghi nhận CQĐT đã xử lý giao trả:

+ 01 xe mô tô hiệu môtô hiệu Honda Wave biển số 71C2-053.98 kèm giấy đăng ký xe cho bà Nguyễn Thị Tuyết L (mẹ ruột Huỳnh Chánh T) là chủ sở hữu.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Future biển số 71C2-114.84 cho ông Tăng Thanh T (cha ruột Tăng Gia L) là chủ sở hữu.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo Võ Văn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:
- *Bị cáo;*
- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Công an huyện Ba Tri;*
- *Cơ quan THAHS Công an huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *UBND thị trấn Ba Tri (Ba Tri – Bến Tre);*
- *Lưu*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tấn Tài